



Member of MSI Global Alliance

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN THỊNH VƯỢNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023



Đơn vị kiểm toán:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (028) 3820 5943 - 3820 5944; Fax: (028) 3820 5942



Member of MSI Global Alliance

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN THỊNH VƯỢNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023



Đơn vị kiểm toán:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (028) 3820 5943 - 3820 5944; Fax: (028) 3820 5942

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	07 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11 - 11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
- Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 31



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty CP Thương mại Đầu tư Xây lập Điện Thịnh Vượng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Thương mại Đầu tư Xây lập Điện Thịnh Vượng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600446389 đăng ký lần đầu ngày 12/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27/09/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 30.000.000.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2023: 30.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 32, đường số B4, phường An Lợi Đông, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh. Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng. Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình. Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn thực phẩm. Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ các yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet. Cổng thông tin. Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh. Xuất bản phần mềm, lập trình máy tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất được sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con:					
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Quốc tế Tân Phú Hưng	Số 10 phố Lê Trực, phường Điện Biên, quận Ba Đình, TP. Hà Nội	0,00%	100,00%	0,00%	100,00%

Công ty liên kết:

Không có

Cơ sở đồng kiểm soát:

Không có

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Không có

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2023 là 300.955.809 VND (Cùng kỳ kế toán năm 2022 lợi nhuận sau thuế là 706.808.429 VND).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2023 là 2.637.091.053 VND (Tại thời điểm 31/12/2022 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 2.938.046.862 VND).

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Hội đồng Quản trị

Ông	SONG TAO	Chủ tịch	
Ông	TRẦN LÂM HOÀNG	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 30/06/2023)
Ông	TRẦN TRÍ DŨNG	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 11/01/2024)
Bà	LÊ QUỲNH NGÂN	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 30/06/2023)
Ông	NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 11/01/2024)

Ban Giám đốc

Ông	NGUYỄN VĂN LÝ	Giám đốc	
-----	---------------	----------	--

Ban Kiểm soát

Ông	NGUYỄN HỒNG HẢI	Trưởng ban	
Ông	ZHANG TAO	Thành viên	
Ông	PHẠM XUÂN HÒA	Thành viên	

Kế toán trưởng

Ông	NGUYỄN TIẾN ĐẠT		(Bổ nhiệm ngày 30/08/2023)
Bà	ĐẶNG THỊ NHƯ KHÁNH		(Miễn nhiệm ngày 30/08/2023)

Đại diện pháp luật

Ông	NGUYỄN VĂN LÝ	Giám đốc	
-----	---------------	----------	--

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện công tác kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2023. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty CP Thương mại Đầu tư Xây lập Điện Thịnh Vượng phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2024

TM. Hội đồng Quản trị



SONG TAO
Chủ tịch HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2024

TM. Ban Giám đốc

Lý

NGUYỄN VĂN LÝ
Giám đốc



Số: 351./BCKT-TC/2024/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ XÂY LẮP ĐIỆN THỊNH VƯỢNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP Thương mại Đầu tư Xây lắp Điện Thịnh Vượng, được lập ngày 26/02/2024, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty CP Thương mại Đầu tư Xây lắp Điện Thịnh Vượng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Thương mại Đầu tư Xây lắp Điện Thịnh Vượng tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh VIII.3 "Thông tin về hoạt động liên tục" của Công ty:

Hiện tại Công ty vẫn đang trong giai đoạn tái cấu trúc doanh nghiệp, Công ty đã dừng hoạt động kinh doanh chính trước đây là văn phòng phẩm từ tháng 07/2021, chuyển hướng qua hoạt động đầu tư. Nên trong các năm 2022 và 2023 không có phát sinh doanh thu bán hàng, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh bị lỗ; về hoạt động đầu tư vào công ty con không hiệu quả, phải thoái vốn; Các tài sản dài hạn không còn; Do đó việc hoạt động sản xuất kinh doanh trong tương lai của Công ty phụ thuộc vào các định hướng và quyết sách của Ban lãnh đạo Công ty.

Ngoài ra, không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình. Do đó, Ban lãnh đạo Công ty quyết định lập báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Ý kiến của Kiểm toán viên không liên quan đến vấn đề nhấn mạnh này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Kiểm toán viên

Phó Tổng Giám đốc



TRẦN NGUYỄN HOÀNG MAI
Số GCN ĐKHN Kiểm toán: 1755-2023-142-1

LÊ ĐÌNH ÁI
Số GCN ĐKHN Kiểm toán: 3770-2023-142-1

350117
CÔNG
TNH
DỊCH VỤ
TÀI CHÍNH
VÀ KIỂM
TOÁN
PHÍA
NAM
I - T.P

638P
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ
ĐIỆN
LỰC
S CH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32.644.035.749	28.775.010.596
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.672.943.815	2.499.428.977
Tiền	111	V.1	2.672.943.815	2.499.428.977
Các khoản tương đương tiền	112	V.1	-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.935.087.320	26.238.638.005
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	24.520.000.000	24.520.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	6.381.087.320	1.718.638.005
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(966.000.000)	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
Hàng tồn kho	141		-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		36.004.614	36.943.614
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	-	750.000
Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.080.056	12.269.056
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.6	23.924.558	23.924.558
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		-	4.167.969.735
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	222		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	-	-
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241	V.7	-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	4.167.969.735
Đầu tư vào công ty con	251	V.2	-	5.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2	-	(832.030.265)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5	-	-
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		32.644.035.749	32.942.980.331

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.944.696	4.933.469
I. Nợ ngắn hạn	310		6.944.696	4.933.469
Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.6	6.944.696	4.933.469
Phải trả người lao động	314		-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		-	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		32.637.091.053	32.938.046.862
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.7	32.637.091.053	32.938.046.862
Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.7	30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.7	30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.7	2.637.091.053	2.938.046.862
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.938.046.862	3.644.855.291
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(300.955.809)	(706.808.429)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		32.644.035.749	32.942.980.331

Người lập biểu

NGUYỄN TIẾN ĐẠT

Kế toán trưởng

NGUYỄN TIẾN ĐẠT

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Giám đốc



NGUYỄN VĂN LÝ



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		-	-
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	-	-
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	245.200.939	337.554.581
Chi phí tài chính	22	VI.5	(832.030.265)	832.030.265
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	VI.8	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	1.326.480.060	212.219.325
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		(249.248.856)	(706.695.009)
Thu nhập khác	31	VI.6	-	-
Chi phí khác	32	VI.7	49.695.726	113.420
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(49.695.726)	(113.420)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(298.944.582)	(706.808.429)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	2.011.227	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(300.955.809)	(706.808.429)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	(100)	(236)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	(100)	(236)

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



NGUYỄN TIẾN ĐẠT

NGUYỄN TIẾN ĐẠT

NGUYỄN VĂN LÝ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(298.944.582)	(706.808.429)
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		-	-
- Các khoản dự phòng	03		133.969.735	832.030.265
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(245.200.000)	(337.554.581)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(410.174.847)	(212.332.745)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		337.739.685	(342.641.594)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		-	1.890.000
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		-	(24.514.971)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		750.000	-
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế TNDN đã nộp	15		-	(72.461.406)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(71.685.162)	(650.060.716)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2.600.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	70.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		245.200.000	337.554.581
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		245.200.000	(2.192.445.419)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		173.514.838	(2.842.506.135)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.499.428.977	5.341.935.112
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	V.1	2.672.943.815	2.499.428.977

Người lập biểu

NGUYỄN TIẾN ĐẠT

Kế toán trưởng

NGUYỄN TIẾN ĐẠT

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Giám đốc



NGUYỄN VĂN LÝ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Thương mại Đầu tư Xây lắp Điện Thịnh Vượng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600446389 đăng ký lần đầu ngày 12/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27/09/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 30.000.000.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2023: 30.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 32, đường số B4, phường An Lợi Đông, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Số lượng CB-CNV của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 08 người (tại ngày 31/12/2022 là 08 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh. Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng. Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình. Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn thực phẩm. Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ các yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet. Cổng thông tin. Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh. Xuất bản phần mềm, lập trình máy tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất được sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con:					
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Quốc tế Tân Phú Hưng	Số 10 phố Lê Trực, phường Điện Biên, quận Ba Đình, TP. Hà Nội	0,00%	100,00%	0,00%	100,00%
Công ty liên kết:					
	Không có				
Cơ sở đồng kiểm soát:					
	Không có				
Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:					
	Không có				

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu: các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án,... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

6. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

b. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

10. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

11. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

01/1729
CÔNG TY
THỊNH VƯỢNG
ĐẦU TƯ
PHÁT KẾ
KIỂM TỐ
PHÍA NAI
- T.P.H.C

446385
CÔNG TY
THƯƠNG MẠI
ĐẦU TƯ
XÂY LẬP
ĐIỆN THỊNH
VƯỢNG
HỒ CHÍ MINH

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	2.671.496.756	2.499.346.071
- Tiền gửi ngân hàng	1.447.059	82.906
+ Tiền gửi (VND)	1.447.059	82.906
Ngân hàng TMCP Tiên Phong CN. Tây Hà Nội	317.445	82.906
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam CN. Nam Hà Nội	1.129.614	-
Cộng	2.672.943.815	2.499.428.977



2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	-	-	5.000.000.000	(832.030.265)
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Quốc tế Tân Phú Hưng (*)	-	-	5.000.000.000	(832.030.265)
Cộng	-	-	5.000.000.000	(832.030.265)
				4.167.969.735

Ghi chú:

(*) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 21/11/2023/TV6/NQ-HĐQT ngày 21/11/2023 thông qua phương án thoái 100% vốn Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Quốc tế Tân Phú Hưng và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 01/2023/HĐCN ngày 27/12/2023.



3 . CÁC KHOẢN PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
+ Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Trong Thương (*)	24.520.000.000	24.520.000.000
Cộng	24.520.000.000	24.520.000.000

Ghi chú:

(*) Theo các hợp đồng cho vay số 05/2021/HĐV ngày 02/12/2021, số 06/2021/HĐV ngày 10/12/2021, số 07/2021/HĐV ngày 16/12/2021, số 01/2022/HĐV ngày 10/02/2022 và các phụ lục hợp đồng cho vay tiền ngày 12/01/2024, thời hạn vay đến 30/06/2024, lãi suất cho vay 1%/năm, không có tài sản đảm bảo.

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
- Tạm ứng	-	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	-	-	-
- Phải thu ngắn hạn khác	6.381.087.320	966.000.000	1.718.638.005	-
+ Ông ZhangHao	552.000.000	386.400.000	552.000.000	-
+ Ông Yongjie	828.000.000	579.600.000	828.000.000	-
+ Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Trong Thương	-	-	337.550.685	-
+ Ông Nguyễn Văn Lý	5.000.000.000	-	-	-
+ Đối tượng khác	1.087.320	-	1.087.320	-
Cộng	6.381.087.320	966.000.000	1.718.638.005	-

5 . NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.380.000.000	414.000.000	-	-
+ Ông ZhangHao	552.000.000	165.600.000	-	-
+ Ông Yongjie	828.000.000	248.400.000	-	-
Cộng	1.380.000.000	414.000.000	-	-

5 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
5.1. Ngắn hạn		
- Chi phí sửa chữa	-	-
- Chi phí mua bảo hiểm	-	-
- CCDC xuất dùng	-	-
- Chi phí khác	-	750.000
Cộng	<u>-</u>	<u>750.000</u>
5.2. Dài hạn		
- CCDC xuất dùng	-	-
- Chi phí sửa chữa Văn phòng Công ty	-	-
- Chi phí mua bảo hiểm	-	-
- Chi phí khác	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

C.P.T.V.

6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
6.1. Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.385.741	2.011.227	-	5.396.968
Thuế thu nhập cá nhân	1.547.728	-	-	1.547.728
Thuế khác	-	-	-	-
Cộng	4.933.469	2.011.227	-	6.944.696
6.2. Thuế và các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	23.924.558	-	-	23.924.558
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế khác	-	-	-	-
Cộng	23.924.558	-	-	23.924.558

Ghi chú: Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ XÂY LẬP ĐIỆN THỊNH VƯỢNG

Số 32, đường số B4, phường An Lợi Đông, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. VỐN CHỦ SỞ HỮU

7.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	-	-	-	3.644.855.291	33.644.855.291
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(706.808.429)	(706.808.429)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	30.000.000.000	-	-	-	2.938.046.862	32.938.046.862
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(300.955.809)	(300.955.809)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	30.000.000.000	-	-	-	2.637.091.053	32.637.091.053



7.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Công ty mẹ	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	30.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	30.000.000.000	30.000.000.000

7.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

7.4. Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

7.5. Cổ tức	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		

7.6. Các quỹ của doanh nghiệp	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

8 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	-	-
- EUR	-	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

1.1. Doanh thu

- Doanh thu bán hàng hóa
- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	-	-
	-	-
	-	-

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

- Chiết khấu thương mại
- Giảm giá hàng bán
- Hàng bán bị trả lại

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	-	-
	-	-
	-	-
	-	-

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn của hàng hóa đã bán
- Giá vốn của dịch vụ

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	-	-
	-	-
	-	-

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Doanh thu hoạt động tài chính khác

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	245.200.939	337.554.581
	-	-
	245.200.939	337.554.581

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Lãi tiền vay
- Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư
- Chi phí tài chính khác

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	-	-
	(832.030.265)	832.030.265
	-	-
	(832.030.265)	832.030.265

6. THU NHẬP KHÁC

- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Các khoản khác

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	-	-
	-	-
	-	-

7. CHI PHÍ KHÁC

- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Các khoản tiền nộp phạt vi phạm hành chính

	Năm nay	Năm trước
	-	-
	49.695.726	113.420

- Các khoản khác	-	-
Cộng	49.695.726	113.420
8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
	Năm nay	Năm trước
8.1. Chi phí bán hàng		
8.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nguyên, vật liệu	-	-
- Chi phí công cụ, dụng cụ	-	10.890.000
- Chi phí nhân công	150.000.000	132.456.961
- Chi phí khấu hao	-	-
- Thuế, phí, lệ phí	1.030.060	3.000.000
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	966.000.000	64.252.364
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	1.620.000
- Chi phí khác bằng tiền	209.450.000	
Cộng	1.326.480.060	212.219.325
9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ		
	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	10.890.000
- Chi phí công cụ, dụng cụ	-	132.456.961
- Chi phí nhân công	150.000.000	64.252.364
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	4.620.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	
- Chi phí bằng tiền khác	1.176.480.060	
Cộng	1.326.480.060	212.219.325
10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		
	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.011.227	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Cộng	2.011.227	-
11 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhận kế toán sau thuế TNDN	(300.955.809)	(706.808.429)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(300.955.809)	(706.808.429)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(100)	(236)

12 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(300.955.809)	(706.808.429)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.000.000	3.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(100)	(236)

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	-	-
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu	-	-
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	-	-
- Các giao dịch phi tiền tệ khác	-	-

2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng
Không có.

3 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	<u>Năm nay</u>
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	-
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	-
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi	-
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả	-
- Tiền thu từ giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán	-
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-

4 . Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	<u>Năm nay</u>
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	-
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	-
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu chuyển đổi	-
- Tiền trả nợ gốc cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả	-
- Tiền chi trả cho giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán	-
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Thông tin về các bên liên quan

1.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc.

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt:

Chi phí của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

	Năm nay	Năm trước
+ Chi phí tiền lương	150.000.000	93.525.221
+ Thù lao	-	-

Trong đó:

Năm 2022:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương	Thù lao
1.	NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	Thành viên HĐQT	46.899.868	-
2.	ĐẶNG THỊ NHƯ KHÁNH	Kế toán trưởng	46.625.353	-
	TỔNG CỘNG		93.525.221	-

Năm 2023:

1.	NGUYỄN VĂN LÝ	Giám đốc	102.000.000	-
2.	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Kế toán trưởng	48.000.000	-
	TỔNG CỘNG		150.000.000	-

Các giao dịch khác	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
- Ông Nguyễn Văn Lý	Giám đốc		
+ Chuyển nhượng vốn góp công ty con		5.000.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Chức vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải thu			
- Ông Nguyễn Văn Lý	Giám đốc	5.000.000.000	-

1.2. Giao dịch với các bên liên quan là tổ chức

Bên liên quan	Mối quan hệ	Sở hữu vốn
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Quốc tế Tân Phú Hưng	Chủ sở hữu là Giám đốc của TV6	
Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Trong Thương	Cùng HĐQT và Ban Giám đốc	

Trong kỳ Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Trong Thương	Thu tiền lãi cho vay	582.750.685

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Giá trị
Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Trong Thương	Nợ phải thu	24.520.000.000
	Nợ phải trả	-

2 . Báo cáo bộ phận

Hiện tại Công ty đang trong giai đoạn tái cấu trúc doanh nghiệp, chuyển hướng qua hoạt động đầu tư do đó Công ty chưa áp dụng Báo cáo bộ phận.

3 . Thông tin về hoạt động liên tục

a/ Về tài chính:

- Tại ngày 31/12/2023 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và vốn chủ sở hữu của Công ty không bị âm.
- Về Nợ ngắn hạn của Công ty nhỏ hơn Tài sản ngắn hạn là 32.637.091.053 VND. Như vậy, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty là đảm bảo.
- Các chủ nợ có dấu hiệu ngừng hoặc thu hồi các hỗ trợ tài chính: Không có.
- Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm 71.685.162 VND.
- Sự suy giảm lớn về giá trị của các tài sản: Không có.
- Không có nợ phải trả tồn đọng hoặc phải ngừng thanh toán cổ tức cho cổ đông đã được ĐHCĐ thông qua trước đó.
- Các dấu hiệu về tuân thủ hợp đồng tín dụng; chuyển đổi giao dịch từ mua chịu sang thanh toán ngay, không có khả năng tìm kiếm các nguồn tài trợ: Không có.

b/ Về hoạt động:

- Ban Giám đốc có ý định ngừng hoạt động hay giải thể Công ty: Không có.
- Thiếu thành phần lãnh đạo chủ chốt mà không được thay thế: Không có.
- Mất thị trường lớn, khách hàng quan trọng, mất quyền kinh doanh, nhượng quyền thương mại hoặc mất nhà cung cấp quan trọng: Không có.
- Gặp khó khăn về lao động: Không có.
- Thiếu hụt vật tư đầu vào chủ yếu: Không có.
- Xuất hiện đối thủ cạnh tranh mới thành công hơn: Không có.

c/ Các dấu hiệu khác:

- Không tuân thủ các quy định về góp vốn cũng như những quy định khác: Không có.
- Đơn vị đang bị kiện nếu thua đơn vị không có khả năng đáp ứng: Không có.
- Thay đổi về pháp luật, chính sách ảnh hưởng bất lợi tới đơn vị: Không có.
- Xây ra các rủi ro, tổn thất mà không được bảo hiểm hoặc BH với giá trị thấp: Không có.

Hiện tại Công ty vẫn đang trong giai đoạn tái cấu trúc doanh nghiệp, Công ty đã dừng hoạt động kinh doanh chính trước đây là văn phòng phẩm từ tháng 07/2021, chuyển hướng qua hoạt động đầu tư. Nên trong các năm 2022 và 2023 không có phát sinh doanh thu bán hàng, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh bị lỗ; về hoạt động đầu tư vào công ty con không hiệu quả, phải thoái vốn; Các tài sản dài hạn không còn; Do đó việc hoạt động sản xuất kinh doanh trong tương lai của Công ty phụ thuộc vào các định hướng và quyết sách của Ban lãnh đạo Công ty.

Ngoài ra, không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình. Do đó, Ban lãnh đạo Công ty quyết định lập báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

4 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.



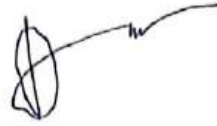
Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2024
Giám đốc

Người lập biểu



NGUYỄN TIẾN ĐẠT

Kế toán trưởng



NGUYỄN TIẾN ĐẠT



NGUYỄN VĂN LÝ

